

Dịch giả: Thích Chính Tiến - Thích Quảng Độ

PL. 2506 – 1962

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BẢO ÂN



QUYỂN THỨ SÁU – PHẨM THỨ 7 - 8

NGHI THỨC TỤNG KINH
ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN

TỊNH PHÁP GIỚI CHÂN-NGÔN

Án Lam tóa-ha. (3 lần)

TỊNH KHẨU NGHIỆP CHÂN-NGÔN

Tu rị, tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị, ta bà-ha. (3 lần)

TỊNH TAM NGHIỆP CHÂN-NGÔN

**Án ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ,
đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hám. (3 lần)**

ÁN THỔ-ĐỊA CHÂN-NGÔN

Năng mờ tam mãn đa, một đà nẫm.

Án độ rô, độ rô địa vĩ, ta bà-ha. (3 lần)

TÁN HƯƠNG

Nguyện mây hương màu này
Khắp cùng mười phương cõi
Cúng dường tất cả Phật
Tôn Pháp, chư Bồ-tát
Vô biên chúng Thanh-văn
Và cả thầy Thánh Hiền
Duyên khởi đài sáng chói
Trùm đến vô biên cõi
Khắp xông các chúng sanh
Đều phát Bồ-đề tâm
Xa lìa những nghiệp vọng
Trọn nên đạo vô thượng.

KỲ NGUYỆN

Tư thời Việt Nam quốc, kim cư Hoa Kỳ quốc,... đệ tử chúng đẳng cung đôi Phật tiên thành tâm thiết lễ, tu hương hiến cúng, phúng kinh trì tụng Đại Phương Tiện Phật Báo Ân Kinh, chuyên vì tập phước nghinh tường, tiêu tai giải nạn, nguyện cầu âm siêu dương thái sự,... Nguyện thập phương thường trụ Tam Bảo, đức Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, tiêu tai diên thọ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, Cực-lạc thế giới A Di Đà Phật, đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát, nhất thiết chư đại Bồ-tát, chư Thánh Hiền Tăng, Già-lam thánh chúng thù từ quang giáng đạo tràng chứng minh công đức, gia hộ hiện tiền đệ tử chúng đẳng tội chướng, báo chướng, phiền não chướng, nghiệp chướng,... tất giai tiêu diệt, thân tâm thanh tịnh, tinh tấn tu hành, tùy tâm mãn nguyện.

TÁN PHẬT

Pháp vương vô thượng tôn

Tam-giới vô luân thất

Thiên nhân chi Đạo sư

Tứ sanh chi Từ-phụ

Ư nhất niệm Quy Y

Năng diệt tam-kỳ nghiệp

Xưng dương nhược tán thán

Ưc kiếp mạc năng tận.

QUÁN TƯỚNG

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghĩ
Ngã thử đạo tràng như Đế-châu
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

ĐÁNH LỄ TAM BẢO

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: Nam-mô Tận Hư Không Biến Pháp Giới Quá Hiện Vị Lai Thập Phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng Thường Trụ Tam Bảo. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: Nam-mô Ta Bà Giáo Chủ Điều Ngự Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật, Bồ-tát. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ-tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. (1 lạy)

TÁN HƯƠNG

Lư hương xạ nhiệt

Pháp-giới môn huân

Chư Phật hải hội tất diêu văn

Tùy xứ kiết tường vân

Thành ý phương ân

Chư Phật hiện toàn thân.

Nam-mô Hương Vân Cái Bồ-tát

Ma-ha-tát. (3 lần)

Nam-mô Đại Bi Hội Thượng Phật, Bồ-tát. (3 lần)

ĐẠI BI THẦN CHÚ

Thiên thủ thiên nhãn, vô ngại Đại-bi tâm đà-la-ni.

**Nam mô hắc ra đất na đa ra dạ da. Nam mô a rị da bà lô yết đế,
thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca
lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đất na đất tủa. Nam mô tất
kiết lật đỏa, y mông a rị da, bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà.**

**Nam mô na ra cẩn trì hê rị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu
du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà già, ma phạt đạt đậu,
đất diệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề
tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu
lô, kiết mông độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra
đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục**

để lệ, y hê di hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt sa phạt
 sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô, ma ra hô lô hô lô hê rì, ta ra ta ra, tất
 rì tất rì, tô rô tô rô, bồ đề dạ, bồ đề dạ, bồ đà dạ, bồ đà dạ, di đế rì
 dạ na ra cần trì địa rì sắc ni na, ba dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ, ta
 bà ha. Ma ha tất đà dạ, ta bà ha. Tất đà du nghê, thất bàn ra dạ, ta
 bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a mục
 khô da, ta bà ha. Ta bà ma ha, a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất
 đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn
 đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ, ta bà ha. Nam mô hắc
 ra đát na, đà ra dạ da. Nam mô a rì da, bà lô yết đế, thước bàn ra
 dạ, ta bà ha.

Án tất điện đô, mạn đà ra, bạt đà dạ ta bà-ha. (3 lần)

Nam-mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo. (3 lần)

VĂN PHÁT NGUYỆN

Cúi lạy đấng tam-giới Tôn,
Quy mạng cùng mười phương Phật
Con nay phát nguyện rộng
Trì Kinh Đại Bảo Ân
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ tam-đồ
Nếu có kẻ thấy nghe
Đều phát lòng Bồ-đề
Hết một báo thân này
Sanh qua cõi Cực-lạc.

Nam-mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần)

KHAI KINH KỆ

Thăm thẳm cao siêu Pháp nhiệm mầu

Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu

Con nay nghe thấy chuyên trì niệm

Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Nam-mô Đại Bảo Ân Hội Thượng Phật Bồ-tát,

Ma-ha-tát. (3 lần)

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN

QUYỂN THỨ NĂM

PHẨM TỪ BI THỨ BẢY

(Trang 348 – 399)

Những người con gái họ Thích nghe xong, lòng rất vui mừng, chứng được pháp nhãn. Đại chúng nghe rồi, đều cùng phát tâm, cầu đạo Vô thượng.

Khi bấy giờ bà dì Phật là ngài Kiều Đàm Di Tỷ-khưu-ni bảo các vị Tỷ-khưu-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, Ưu-bà-di và hết thảy phụ nữ rằng:

Phật pháp là lợi ích lớn. Chỉ trong giáo pháp của Đức Như Lai

mới có đầy đủ các công đức và ba thứ quả báo. Hết thấy chúng sinh đều có phần trong đó.

Thế mà Đức Như Lai lại không cho phụ nữ chúng ta được dự vào Phật pháp là vì lẽ gì?

Là vì phụ nữ chúng ta phần nhiều hay ngò vực, chấp trước, không có lòng hỷ xả. Cũng vì chấp trước nên mới tạo không biết bao nhiêu nghiệp trói buộc, đến nỗi bị ngu si và ái dục che lấp mất chân tâm, do đó mà phải chìm đắm mãi trong bể khổ sinh tử, mặc cho lớp sóng ái dục dập vùi.

Vì tà kiến và tham ái làm chướng ngại, nên mới sinh ra kiêu ngạo, lười biếng, bởi thế thân này, không thể đạt đến đạo quả Vô Thượng Bồ-đề, không thể có được ba mươi hai tướng tốt.

Trong đường sinh tử, không được làm Chuyển Luân Thánh Vương, dùng phép Thập thiện, giáo hóa chúng sinh; cũng không thể đạt đến ngôi Phạm Vương cùng tột, không thể kiến lập Chính Pháp, và khuyến thỉnh chư Phật chuyển bánh xe pháp để cho hết thấy chúng sinh đều được lợi lạc. Bởi thế nên Đức Như Lai không cho nữ nhân được làm đệ tử.

Thiên Ma Ba Tuần, các loại tà kiến và hết thảy ngoại đạo chuyên làm điều ác, chấp theo tà thuyết, phá hoại chính pháp, diệt Phật Pháp Tăng. Vì vậy Đức Như Lai không cho nữ nhân dự vào Phật Pháp.

“Ta vì hết thảy phụ nữ, ba lần thỉnh cầu Đức Như Lai cho được xuất gia, tu học Phật pháp, mà Phật không thuận.

Vì không được như nguyện, lòng ta buồn tủi, giận cho thân phận nữ nhân, bất giác, lệ tràn mí mắt, ta mới thất thểu bước ra khỏi Kỳ Hoàn Tinh Xá.

Lúc đó ta gặp ngài A Nan. Ngài A Nan hỏi tại sao mà trông ta buồn khổ như vậy. Ta liền thuật lại cho ngài A Nan nghe là ta muốn xuất gia, tu theo Phật pháp, mà cầu xin đến ba lần Đức Như Lai cũng không chấp thuận, bởi thế nên ta buồn khổ.

Bấy giờ ngài A Nan bảo ta đừng lo, ngài hứa sẽ xin Đức Như lai chấp thuận cho ta vào Phật Pháp. Nghe lời A Nan nói vậy lòng ta sung sướng vô cùng.”

Khi ấy ngài A Nan vào bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, con muốn cầu xin Thế Tôn hứa khả cho một việc.”

Phật bảo A Nan:

- Ông muốn xin điều gì, cứ nói.

A Nan thưa:

Bạch Đức Thế Tôn, Di mẫu Ba Xà Ba Đề đã chăm nom nuôi nấng sắc thân của Thế Tôn, đến ngày nay, Thế Tôn đã thành Phật. Nếu kể đến công lao của Di Mẫu đối với Như Lai, thì Như Lai phải mang ơn Di Mẫu rất nhiều. Thế mà, hết thảy chúng sinh, Như Lai còn cho dự vào Phật Pháp hưởng chi Di Mẫu, nữ nào Như Lai không thuận?

Phật bảo ngài A Nan:

Đúng như lời ông nói. Không phải ta không biết đến thâm ân của Di Mẫu đối với ta, nhưng ta không muốn cho nữ nhân dự vào

Phật pháp. Nếu ta cho nữ nhân ở trong Phật pháp, thì sau năm trăm năm, chính pháp của ta sẽ suy đồi. Bởi thế mà ta không muốn để nữ nhân dự vào Phật pháp.

Bấy giờ ngài A Nan cúi đầu lễ, rồi quỳ gối, chấp tay lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ chư Phật ở quá khứ đều có đủ bốn bộ chúng, mà chỉ có một mình Đức Thích Ca Như Lai là không có đủ.

Phật bảo ngài A Nan:

Nếu Di Mẫu quý chuộng Phật pháp, phải hết sức tinh tiến, tu tập phép Bát Kính, ta sẽ ưng thuận, cho được xuất gia sống trong Phật pháp.

Lúc đó ngài A Nan lễ Phật, đi nhiễu ba vòng, rồi lui trở ra. ngài liền đến báo cho ta biết là Đức Như Lai đã theo lời cầu xin của ngài mà bằng lòng cho ta được xuất gia, phụng trì Phật pháp.

Được biết tin ấy lòng ta vui mừng vô hạn, và bạch ngài A Nan rằng:

Quý hóa thay, ngài A Nan! ngài đã hết lòng thỉnh cầu Đức Như Lai, khiến cho tôi được toại nguyện.”

“Rồi ngài nói lại cho ta nghe pháp Bát Kính mà Đức Như Lai đã ân cần dạy bảo. Nghe xong, nửa mừng nửa tủi, ta tự nghĩ rằng: Thân ta đây là cái thân vô thường, nay được đem đổi lấy cái thân quý báu; mệnh sống ta đây, niệm niệm hằng biến diệt, không nhất định, nay được đem đổi lấy mệnh quý báu; thân mệnh, của cải của

ta đây đều do nhân duyên giả dối mà có, không phải chân thật, nay được đem đổi lấy của báu vĩnh viễn bất diệt.

Khi nghĩ đến những công đức và lợi ích như thế, ta liền sinh lòng chí thành cung kính cúng dường ngài A Nan và bạch rằng: “Đại Đức A Nan, xin ngài đừng lo. Tôi sẽ trọn đời tuân theo giáo pháp mà Đức Như Lai chỉ dạy. Dù có phải bỏ cả thân mệnh chẳng nữa, tôi cũng không dám vi phạm.”

“Bấy giờ Đức Như Lai mới nói pháp Bát Kính nhiệm màu cho ta nghe. Lúc đó, ta vận dụng lòng đại bi, vì hết thấy nữ nhân đời vị lai mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, nếu sau này, trong đời ác trược, có người Thiện nữ nào, đối với Phật pháp, sinh lòng kính mến, thì xin Thế Tôn cũng nhận cho được vào Phật pháp.”

Khi ấy Phật bảo ta rằng:

Quý hóa thay! Nếu sau này có những Thiện nữ, biết hộ trì Phật pháp, theo thứ lớp mà tu tập, giữ giới, bố thí, học rộng, tu các thiện pháp, tại gia hay xuất gia, thụ tam quy hoặc trì ngũ giới, hay giữ đủ các giới, tu các pháp lục độ và các pháp trợ đạo, ta sẽ cho được tùy ý mà tu tập, và cũng được ba thứ quả báo ở cõi người, cõi trời và đạo quả Vô Thượng.

Nghe Phật nói thế, lòng ta vui sướng vô cùng, ta liền bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân chúng tôi mà được ba thứ quả báo ấy, thì chính là nhờ ơn Phật vậy.

Phật nói: Đừng nghĩ như thế, Như Lai không hề có ơn, đối với chúng sinh, Như Lai không bao giờ kể có ơn.

Nếu kể ơn tức là phá hoại cái tâm bình đẳng của Như Lai. Nên biết rằng, đối với chúng sinh nếu Như Lai còn kể có ơn hay không ơn, thì Như Lai không có tâm bình đẳng.

Nếu chúng sinh nào đem lòng hủy hoại Phật, Như Lai không giận, hoặc có chúng sinh lấy hương chiên đàn mà ướp vào thân Như Lai, Như Lai cũng không mừng.

Như Lai đối với hết thảy chúng sinh đều bình đẳng, không còn oán, thân phân biệt. Ôn là ơn của A Nan, chứ không phải của Như Lai. Là vì nhờ có A Nan mà nữ nhân mới được vào Phật pháp.

Vậy nên đời sau, các Tỷ-khưu-ni và hết thảy những người Thiện nữ, thường phải nên hết lòng ghi nhớ ơn của A Nan, nhắc nhở danh hiệu, cung kính, cúng dường, tôn trọng tán thán, đừng

để dứt mất. Nếu không thể làm được như thế luôn luôn, thì đêm ngày sáu thời, cũng phải để tâm ghi nhớ.

Bấy giờ, ngài Kiều Đàm Di bảo các vị Tỷ-khưu-ni và tất cả mọi người Thiện nữ rằng:

“Chúng ta phải nên dốc lòng quy mệnh A Nan Đại Sư. Nếu người Thiện nữ nào, muốn cầu sự yên ổn và quả báo tốt lành, cứ đến ngày mừng Tám tháng Hai, hoặc mừng Tám tháng Tám, mặc áo sạch sẽ, dốc lòng thụ trì phép Bát Trai Giới, ngày đêm sáu thời, siêng tu tinh tiến, thì ngài A Nan sẽ dùng sức uy thần, tùy nguyện giúp đỡ, khiến được như ý.”

Nghe pháp xong, đại chúng vui mừng, rồi đi vòng bên phải mà lui ra.

QUYỂN THỨ SÁU

PHẨM ƯU BA LY THỨ TÁM

Khi bấy giờ đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán.

Lúc đó ngài A Nan nhận thấy trong tâm mọi người đều có điểm ngờ vực, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn, tại sao Thế Tôn lại nhận cho Ưu Ba Ly, là người hạ tiện, theo Phật xuất gia? Việc đó làm nhục nhã cho hàng đệ tử Phật và khiến cho các dòng vương tôn, quý tộc sanh lòng bất kính, do vậy mà tổn mất phúc điền, và cũng khiến cho con Vua Bạch Tịnh là Nan Đà Tỷ-khưu sinh lòng khinh mạn?

Phật bảo ngài A Nan và đại chúng rằng:

“Các ông nghe cho kỹ! Các ông có thể nói Như Lai không có lòng bình đẳng, không có tâm đại bi, không có năm trí, không có chính định, nhưng các ông không được nói rằng Ưu Ba Ly là người hạ tiện, tu tập hạnh hạ tiện, nguyện hạ tiện và tinh tiến hạ tiện.

Các ông có thể nói, Như Lai còn phiền não, thay đổi không thường, nhưng các ông không được nói Ưu Ba Ly là người hạ tiện đi xuất gia”.

“Như Lai dùng cái trí biến khắp, chân chính mà nói những lời chân thật, vậy các ông nên tin theo lời Phật.

Như Lai khi thấy rõ được sự sinh tử là tai họa mà một mình giác ngộ thành Phật, thì Ưu Ba Ly cũng theo Phật xuất gia, chứng được

tam minh, lục thông và đầy đủ tám món giải thoát, các chúng cõi trời, cõi người đều sinh lòng ngưỡng mộ.

Ưu Ba Ly là người giữ luật vào bậc nhất, hộ trì chính pháp xứng đáng lãnh nhận sự cúng dường, khiến cho chúng sinh thành tựu được ba thứ diệu quả, nghĩa là: Quả báo ở đời này, đời sau và nhiều kiếp về sau nữa. Bởi thế, các ông nên biết, Ưu Ba Ly là một vị đại bi Bồ-tát, tu hạnh vi diệu. Ở những kiếp quá khứ xa xưa, trong giáo pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, Ưu Ba Ly cũng là người trì luật thứ nhất”.

Khi nghe Phật tán thán mật hạnh của ngài Ưu Ba Ly, Nan Đà Tỷ-khưu mới khởi tâm cung kính, liền đứng dậy đến lễ ngài Đại Kiều Trần Như và lần lượt lễ các vị đệ tử khác. Nhưng khi đến

ngài Ưu Ba Ly thì Nan Đà chỉ cúi đầu, rồi ngẩng lên và chấp tay đứng nhìn mà thôi.

Lúc đó, đức Như Lai vì Nan Đà nói bài kệ rằng:

Nan Đà, người nên biết,
Chớ khinh người nghèo cùng,
Đừng cậy mình giàu sang,
Xuất gia không phân biệt.

Nan Đà nghe Phật chỉ dạy cho những điều lợi lạc, sinh lòng vui mừng, liền sửa lại y phục, rồi cúi đầu lễ chân ngài Ưu Ba Ly. Lúc ấy trời đất đều rung động. Nan Đà thấy mình khoan khoái, nhẹ nhàn tức thì chứng được đạo quả A-la-hán mà vào địa vị của bậc vô học vậy.

Bấy giờ Phật bảo ngài Ưu Ba Ly rằng:

“Ông hãy thuyết pháp, nói rõ sự sai khác về Tam Bảo, pháp Tứ Đế, về tại gia, xuất gia, về thất chúng... nghĩa là ông hãy nói rõ về Tam Quy, Ngũ Giới cho đến hết thấy các giới, về giới làm lợi ích chúng sinh, giới diệt trừ phiền não, giới điều trị thân tâm, giới thuyền định, và giới vô lậu v.v...để làm cho ngôi Tam Bảo được hưng vượng”.

Bấy giờ ngài Ưu Ba Ly bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nhờ sức uy thần của Như Lai tiếp dẫn, hộ niệm, con xin hỏi Thế Tôn một vài điều không hiểu”.

Nói xong, ngài tự suy nghĩ: Thế nào là Tam Bảo? Phật, Pháp, Tăng?

Tam Bảo nếu không có bản chất thì làm thế nào phân biệt mà nói được? Pháp Tăng cũng khác nhau, vậy nếu quy y Tam Bảo thì phụng hành thế nào? Còn Tam Quy nếu chỉ là một thì không thể nói có ba, nếu nói Tam Quy thì tại sao lại có thất chúng khác nhau?

Tự suy nghĩ thế rồi, ngài Ưu Ba Ly mới bạch Phật rằng:

- “Bạch Thế Tôn, nương nhờ về đâu gọi là quy y Phật?”

Khi ấy Đấng Đại Giác Thế Tôn bảo ngài Ưu Ba Ly rằng:

- “Phật là người đã giác ngộ, thấu suốt cả hai phần “Tính” và “Tướng” của hết thảy các pháp.

Lại nữa tất cả chúng sinh đang mê man trong ba cõi, Phật đã được đạo nhãn, tự mình đã thức tỉnh, lại thức tỉnh cho chúng sinh còn mê man kia, bởi thế mới gọi là Giác.

Phật đã thấu suốt hết thảy mọi pháp và có thể thuyết minh tất cả các pháp”.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi Phật:

Thế nào gọi là Phật thuyết hết thảy các pháp? Phật tùy thời cơ, thích ứng với chúng hội mà thuyết, chỉ thuyết cho từng nhóm người thôi?

Phật đáp:

Phật theo căn tính của chúng sinh và tùy thời cơ mà thuyết các pháp.

Sau này các đệ tử kết tập pháp tạng sẽ chia ra từng bộ loại một.

Khi Phật thành đạo, vì các đệ tử mà nói ra giới luật, có giới khinh giới trọng, hữu tàn và vô tàn, kết tập thành Luật Tạng.

Khi Như Lai nói về nhân quả, tội phúc, các món ràng buộc, phiền não và các nghiệp thân, khẩu, ý thì kết thành Luận Tạng.

Như Lai vì trời, người, tùy thời có thuyết pháp để khuyên họ tu tập, nói ra bộ Tăng Nhất A Hàm.

Sau lại vì những chúng sinh thông minh, nói các pháp cao sâu, gọi là Trung A Hàm, để cho những người có lợi căn theo đó mà tu tập.

Sau nữa, nói các phép tọa thiền cho những người tu thiền định học tập, nên mới thành bộ Tạp A Hàm.

Sau hết, vì phá trừ tà kiến, ngoại đạo mà nói ra bộ Trường A Hàm.

Tất cả bốn loại đó, sau kết tập thành Kinh Tạng.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

Nếu Phật đã nói hết thấy các pháp, thì tại sao một hôm Phật ngồi dưới gốc cây, bốc một nắm lá mà hỏi các đệ tử là lá trong tay Phật nhiều hơn hay lá trên cây nhiều hơn? Các đệ tử đều trả lời là lá trên cây nhiều hơn.

Lúc đó Phật bảo các đệ tử rằng tất cả các pháp Phật đã thấu suốt cũng nhiều như là lá trên cây. Còn các pháp Phật đã nói chỉ là lá trong bàn tay mà thôi. Vậy làm sao có thể nói là Phật đã thuyết hết thấy pháp?

Phật trả lời:

- Hết thấy các pháp đều có “biệt tướng” và “tổng tướng”.**

Như Lai nói đã thuyết hết thảy các pháp là nói về phần “biệt tướng” chứ không phải “tổng tướng”.

Không phải Như Lai không nói được phần “tổng tướng” đâu, nhưng nếu Như Lai nói phần “tổng tướng” thì chúng sinh không thể lãnh hội được. Các ông nên biết Như Lai đã thấu suốt hết thảy pháp, nhưng mới chỉ nói về phần “biệt tướng” của các pháp chứ chưa nói đến phần “tổng tướng”.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

Nếu Phật biết mà có thể nói được, thì các vị Thanh-văn, Duyên Giác, căn cứ vào chỗ hiểu biết, cũng có thể nói được. Vậy tại sao các vị đó không thể xưng là Phật được?

Phật đáp:

Không thể được. Là vì Phật biết và nói được đầy đủ cả hai phần “Tính”, “Tướng” của các pháp, còn các vị Thanh-văn, Duyên Giác, tuy cũng biết và nói được, nhưng không thể nói hết “tính”, “tướng” của mọi pháp.

Lại nữa, Phật hiểu thấu và có thể đặt tên cho các pháp, nhưng Thanh-văn, Duyên Giác không thể làm được.

Lại nữa, Phật chứng được vô biên pháp và có thể nói mãi không cùng, nhưng Nhị Thừa không thể được.

Lại nữa, có pháp “cộng” và “bất cộng” cái mà Nhị Thừa được thì Phật cũng có, nhưng cái mà Phật có thì Nhị Thừa chưa được. Cái mà Thanh-văn đã chứng được thì Tam Thừa đều biết; cái mà Duyên Giác đã chứng được thì Thanh-văn và Bồ-tát cũng đều biết.

Nhưng cái mà Phật đã chứng thì Nhị Thừa không thể biết được, chỉ Phật tự biết mà thôi.

Lại nữa, tráp lớn thì nắp phải lớn, pháp lớn thì pháp tướng cũng vô cùng. Cái trí của Phật là cái trí không có bờ bến, cho nên Phật mới có thể thấu suốt và thuyết minh được hết thấy các pháp, còn trí của Nhị Thừa là cái trí có hạn, nên Nhị Thừa không thể thấu suốt được “tính”, “tướng” của hết thấy pháp.

Lại nữa, Phật đã chứng được cái trí biết như thực, nghĩa là đối với “tính”, “tướng” của các pháp, Phật đều hiểu rõ như thực, Nhị Thừa hiểu các pháp chưa được hoàn toàn chưa thấu suốt đến căn nguyên của “tính” và “tướng”, bởi thế không thể nói là đã chứng được trí biết như thực.

Căn cứ vào những nghĩa nói trên, nên biết Nhị Thừa không thể xưng là Phật. Hơn nữa, chữ Phật không thể dùng tiếng mà truyền được, cũng không thể lấy nghĩa mà hiểu được. Còn thế nào gọi là Thế Tôn? Là người có thể biết hết các pháp đối trị vậy.

Lại nữa, ở thế gian ngôn ngữ bất đồng, nên người đời không hiểu được nhau, mà Phật thì hiểu biết tất cả, nên gọi Phật là Thế Tôn.

Lại nữa, như Lặc Ty-khưu nói, Nhị Thừa phạm phu tự nói đã chứng được các pháp, hoặc ưa nơi tĩnh tịch, hoặc thích thiên định, hay các pháp khác, nhưng giữ bí mật. Phật thì không thế, Phật chứng được các pháp, đều rủ lòng từ bi mà nói cho người khác nghe.

Lại nữa, vì Phật đã diệt trừ được tham, sân và si, nên gọi là Thế Tôn.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

Nhị Thừa cũng đã phá trừ được tham, sân, si, tại sao lại không thể xưng là Thế Tôn?

Phật trả lời:

Không thể được, vì Nhị Thừa đối với tâm đại thừa còn có khi thoái chuyển, Phật thì không bao giờ thoái chuyển. Thoái chuyển có ba:

Một là, đã chứng quả mà còn thoái chuyển;

Hai là, chưa chứng quả mà đã thoái chuyển;

Ba là, đã đến chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển.

Đã chứng quả mà thoái chuyển là nói ngôi Thanh-văn đã chứng được quả thứ ba mà còn có khi thoái chuyển. Chỉ có quả thứ tư là quả A-la-hán thì mới không còn thoái chuyển.

Còn như Trung Thừa, nếu đã tu tập đủ trăm kiếp, đã thấu suốt được mười hai nhân duyên, thành Bích Chi Phật, cũng không còn thoái chuyển nữa.

Nhưng nếu là Hạ Thừa, chứng quả thứ ba, mà thành Bích Chi Phật, thì vẫn còn thoái chuyển. Còn như Phật đã chứng quả rồi, thì không bao giờ thoái chuyển nữa.

Chưa chứng quả mà thoái chuyển là nói những người Tam Thừa, chưa chứng được quả mà đã thoái chuyển; nếu tu ba nghiệp của Tỷ-khưu mà lười biếng, hoặc tu tập các pháp, không chăm chỉ,

thì gọi là chưa chứng quả đã thoái chuyển vậy.

Đã tới chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển là nói những người đã chứng được các pháp, mà không ứng dụng hiện tiền, như thập lực của Phật và mười trí của Tiểu Thừa, mà chỉ ứng dụng một; hay phải tụng mười vạn lời kinh, mà không tụng, đều gọi là đã đến chỗ ứng dụng mà thoái chuyển vậy.

Thanh-văn chưa chứng quả mà thoái chuyển; Duyên Giác và Độc Giác cũng có khi chưa chứng quả mà thoái chuyển, nhưng Phật thì không bao giờ thế.

Đối với tất cả hạnh tu tập, không bao giờ Phật biếng nhác.

Nhị Thừa đã đến chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển, chứ Phật thì lại không nhất định.

Như trong mười lực mà chỉ dùng một, bỏ chín, nên gọi là thoái chuyển. Hoặc như tụng hai mươi vạn lời kinh, mà người phạm sức yếu, phải tụng một, hai ngày mới xong, nhưng Phật có thể tụng xong ngay.

Thập lực cũng vậy, dùng là dùng liền, không bị ngăn ngại.

Cho nên Phật không có sự không dùng mà bỏ. Như người mặc áo Nê-hoàn Tăng không phải thời không mặc, không như người thế gian. Bất cứ làm việc gì đều vì lợi ích của chúng sinh mà làm. Việc gì có lợi thì làm, không có lợi thì bỏ, chứ không phải không làm được, bởi thế Phật không có sự không dùng mà thoái chuyển.

Tuy Phật hiểu suốt các pháp mà nói không nhất định là vì ý Phật sâu xa, không thể nghĩ lường được.

Ngài Ưu ba Ly hỏi:

Tại sao Thanh-văn đã chứng đến quả A-na-hàm còn thoái chuyển? Nhưng chứng quả A-la-hán thì không thoái chuyển?

Phật đáp:

Quả A-na-hàm đã từng được cho nên thoái chuyển, còn quả A-la-hán thì chưa từng được, cho nên không thoái chuyển. Cũng như người đang đói mà được ăn cỗ ngon, không bao giờ quên, ý nghĩa quả A-la-hán cũng vậy.

Lại nữa, A-la-hán lấy nhẫn nhục làm đạo vô ngại, lấy trí tuệ làm đạo giải thoát, còn A-na-hàm lấy trí tuệ làm đạo vô ngại và cũng lấy trí tuệ làm đạo giải thoát, cho nên còn thoái chuyển.

Lại nữa, A-la-hán lấy sự hiểu biết như thực làm đạo, cho nên

không thoái chuyển, còn A-na-hàm thì lấy tư duy làm đạo, cho nên còn thoái chuyển. A-na-hàm vì còn phải diệt hết vọng tưởng và trừ sạch tham, sân, si, ái, tà kiến, vô minh, nên còn bị tư duy bức bách.

Nhưng A-la-hán thì tìm hiểu đạo như thực, nên không bị bức bách, vì đạo như thật không có bức bách, thấy rõ được phần “vọng” tức thấy lý “chân”. Nhưng không cần tư duy, nên không bị bức bách và vì thế không thoái chuyển vậy.

Lại nữa, cái trí tìm hiểu của A-la-hán lớn mạnh, như rường cột, chống đỡ mọi vật, nên không thoái; còn cái trí tư duy của A-na-hàm nhỏ, yếu, cho nên còn thoái chuyển.

Lại nữa, A-la-hán dùng tâm nhãn nhục và trí tuệ để diệt trừ chín phẩm tư hoặc ở dục giới, bảy mươi hai phẩm kết phược ở sắc giới,

cho nên không còn thoái chuyển. Căn cứ vào các nghĩa nói trên, nên biết Nhị Thừa không thể xưng là Thế Tôn, mà chỉ có Phật mới được xưng Thế Tôn mà thôi.

Lại nữa, Phật đã dứt hết tập khí, nhưng Nhị Thừa chưa đoạn hết. Chẳng hạn như Ngưu Ty Tỷ-khưu thường nhai như trâu, là vì năm trăm kiếp trước phải đọa làm kiếp trâu, bây giờ mới được làm người, nhưng cái tập khí nhai như trâu vẫn chưa hết. Hoặc như vị Tỷ-khưu kia, tuy đã chứng quả A-la-hán, nhưng thường thích soi gương, là vì những kiếp trước phải làm thân kỹ nữ.

Lại như một vị Tỷ-khưu kia, thường hay bám lấy bao lon mà đánh đu, nhảy, nhót, là vì những kiếp trước, đọa làm loài khỉ vượn. Bởi thế Nhị Thừa không được xưng là Thế Tôn.

Ngài Ưu Bà Ly hỏi:

Phần đầu các kinh thường có câu: “Chính tôi được nghe...” là lời của A Nan nói khi Phật còn ở đời thuyết pháp, ông được nghe như vậy. Nhưng hai mươi năm sau khi Phật thành đạo, A Nan mới theo Phật xuất gia. Như vậy, trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, A Nan không được nghe. Thế mà, tại sao sau khi Phật nhập Niết-bàn, lúc kết tập Pháp Tạng, lại nói: “Chính tôi được nghe...”

Phật trả lời:

Khi A Nan theo Như Lai xuất gia, có xin bốn điều như sau:

“Điều thứ nhất, xin Phật đừng cho con áo cũ của Phật;”

“Điều thứ hai, xin Phật đừng bảo người khác mời con đi phó trai; con vì cầu pháp, vì cung kính Phật mà theo hầu bên Phật chứ

không phải vì cơm, áo.”

“Điều thứ ba, sớm tối, các vị Tỷ-khưu muốn được thấy Phật thì cứ việc vào, chứ con không phải vào bạch trước.”

“Điều thứ tư, trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, con không được nghe, xin Phật nói lại hết cho con nghe.”

Theo điều nguyện thứ tư, Như Lai phải truyền chư Thiên nói lại cho A Nan nghe. Cũng có khi Như Lai dùng tâm Tam Muội truyền cho A Nan, cũng có khi A Nan nghe lại từ các vị Tỷ-khưu khác.

Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi:

Phật thuyết pháp trong hai mươi năm, làm thế nào có thể nói lại hết được?

Phật đáp:

Như Lai dùng cái trí phương tiện thiện xảo, cho nên trong một câu, có thể diễn ra vô lượng pháp, và trong vô lượng pháp, có thể chỉ tóm tắt trong một câu. Nhờ lợi căn, Phật chỉ nói qua giềng mối của tám vạn pháp là A Nan thông hiểu hết cả.

Như một cái cây, gồm có gốc, thân cây và cành, lá, gọi là một cây, Phật vì chúng sinh, trước sau nói pháp, gọi là một Tạng, như thế gọi là tám vạn pháp.

Lại nói, Phật ngồi ở một nơi nói pháp, gọi là một Tạng, như thế là tám vạn pháp.

Lại như mười sáu chữ, là nửa bài kệ, ba mươi hai chữ là một bài kệ, như thế cũng gọi là tám vạn pháp

Lại như một bài kệ dài hay ngắn, có bốn mươi hai chữ, cũng là một bài kệ, như thế cũng gọi là tám vạn pháp.

Lại như nửa tháng một lần tụng giới, cũng gọi là một Tạng, như thế cũng là tám vạn pháp.

Lại như Phật tự nói ra sáu vạn, sáu nghìn bài kệ, cũng là một Tạng và như thế cũng gọi là tám vạn pháp.

Lại như Phật nói, có tám vạn trần lao, thì có tám vạn pháp tạng để đối trị, cho nên gọi là tám vạn pháp tạng.

Ngài Ưu Bà Ly lại hỏi:

Tại sao Kinh, Luận không lấy Phật làm đầu, mà chỉ có Luật Tạng là lấy Phật làm đầu?

Phật trả lời:

Vì Luật là hơn hết, và chỉ có Phật mới chế ra Luật mà thôi.

Còn trong Kinh cũng có khi các đệ tử thuyết pháp, cũng có khi Thiên, Long, Bát Bộ do Phật hỏi mà nói pháp, chẳng hạn như Thích Đề Hoàn Nhân tự nói rằng bố thí là đệ nhất, vì ông đã nhờ công đức bố thí mà được làm Vua cõi Trời, được mọi điều như ý, và Phật cũng cho như thế là phải.

Lại cũng có khi Phật hóa thành các vị Hóa Phật thuyết pháp.

Nhưng Luật thì không thế: Hết thầy Luật nghi, đều do Phật thuyết, vì thế nên lấy Phật làm đầu.

Lại nữa, Kinh thì tùy nơi thuyết pháp mà có quyết định, luật thì không thế. Nếu phạm luật trong nhà, thì không được kết tội ngay, mà phải ra ngoài để kết tội.

Nếu ở nhà người bạch y, làm điều gì phạm luật, phải ra trước chúng Tăng để buộc tội; nếu ở trong làng xóm mà phạm luật, cũng phải ra trước chúng Tăng để buộc tội; nếu trong năm chúng xuất gia mà làm điều phạm luật, thì phải ra trước các Tỷ-khưu, Tỷ-khưu-ni mà buộc tội, bởi thế cho nên lấy Phật làm đầu.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

Tam Quy lấy gì làm tánh?

Phật trả lời:

Tam Quy lấy chỗ người khác dạy làm tánh, hoặc không theo người dạy làm tánh.

Nghĩa là: Khi thụ Tam Quy, quỳ gối, chấp tay, miệng theo người xướng, mà đọc Tam Quy, thế là cả thân, khẩu đều theo

người dạy, bởi vậy gọi là lấy chỗ người dạy làm tánh. Nếu dốc lòng chí kính, tự mình xưng hiệu Tam Quy, không theo người khác, thế gọi là lấy chỗ không theo người khác làm tánh.

Lại nữa, Tam Quy lấy thân, khẩu, ý, tức tam nghiệp, làm tánh.

Hoặc Tam Quy là Ngũ âm thiện; lấy ngũ âm thiện của chúng sinh làm Tam Quy, lấy Tam Bảo làm chỗ sở quy, sở quy là nói theo nghĩa cứu hộ. Ví như người có tội đối với nhà Vua, chạy sang nước khác để cầu cứu.

Vua nước ấy nói:

“Nếu nhà ngươi muốn được che chở, thì không được ra khỏi nước ta, và không được trái lệnh ta.”

Chúng sinh cũng vậy, vốn thuộc dòng ma, có tội sinh tử, quay

về Tam Bảo để cầu sự cứu hộ. Nếu thành tâm tin tưởng nơi Tam Bảo, không tin chỗ khác, không trái lời Phật dạy, thì Ma Vương tà ác chẳng làm gì được.

Trước có một con chim bồ câu bị một con chim cắt đuôi, bay đến núp sau bóng ngài Xá Lợi Phất, nhưng vẫn thấy sợ hãi.

Sau nó bay đến núp bóng Như Lai, thì thấy thản nhiên, không sợ; dù cho bề lớn có thể rời đi, nhưng con chim đó thì bất động.

Sở dĩ thế, là vì Phật có đức đại từ, đại bi, còn ngài Xá Lợi Phất chưa có được lòng đại từ bi; Phật đã hết tập khí, nhưng ngài Xá Lợi Phất vẫn còn.

Phật đã tu hạnh Bồ-tát trong ba A-tăng-kỳ kiếp, ngài Xá Lợi Phất mới tu tập khổ hạnh trong sáu mươi kiếp. Do đó, chim câu núp

bóng ngài Xá Lợi Phất, vẫn còn sợ hãi, mà núp bóng Phật thì thân nhiên không sợ vậy.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

Nếu nói quy y Tam Bảo thì diệt trừ được tội ác, lòng được yên vui, thì sao Đề Bà Đạt Đa cũng quy y Tam Bảo, tín tâm xuất gia, thụ giới cụ túc, mà còn phạm tội ngũ nghịch, đến nỗi phải đọa vào địa ngục A Tỳ?

Phật đáp: Nói cứu hộ là cứu những người còn có thể cứu được mà thôi. Tội ác của Đề Bà Đạt Đa quá sâu nặng, hơn nữa, lại vì định nghiệp nên khó cứu nổi.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

Nếu người tội nặng mà Phật không thể cứu được, thì người

không có tội, không cần Phật cứu. Vậy tại sao lại nói Tam Bảo có sức cứu hộ?

Phật đáp:

Đề Bà Đạt Đa tuy quy y Tam Bảo, nhưng tâm không thành thật, không đủ Tam Quy, thường ham danh lợi, tự cho mình là người hiểu biết hết thảy, cạnh tranh với Phật, cho nên Tam Bảo dù có sức lớn, cũng không thể cứu nổi.

Như A Xà Thế Vương, tuy phạm tội nghịch, đáng phải đọa vào địa ngục A Tỳ, nhưng nhờ lòng chí thành, biết cầu Phật ăn năn, nên giảm tội A Tỳ, chỉ phải đọa vào địa ngục Hắc Thằng, cũng như những tội nhân khác, chỉ trong bảy ngày, đều được thoát tội. Đó là nhờ sức cứu độ của Tam Bảo vậy.

Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi:

Nếu tội của Đề Bà Đạt Đa không thể cứu được, thì tại sao có Kinh nói: “Nếu người nào quy y Phật, không phải sa vào ba đường ác”, là nghĩa gì?

Phật trả lời:

Nhờ có quy y Tam Bảo nên dù phải vào địa ngục A Tỳ, nhưng Đề Bà Đạt Đa cũng bớt được phần khổ cực, và cũng có lúc được tạm nghỉ. Lại như có người ở trong rừng núi, hay chỗ hoang vắng đáng sợ, nếu họ tưởng niệm đến công đức của Phật, thì sự rùng rợn sẽ tiêu tan. Như thế thì sự quy y Tam Bảo không phải là vô ích vậy.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

Trong Tứ Đế, thì Tam Bảo thay thế cho Đế nào?

Trong hai mươi căn, Tam Bảo thay cho căn nào?

Trong mười tám giới, Tam Bảo thay cho giới nào?

Trong mười hai Nhập, Tam Bảo thay cho Nhập nào?

Trong năm Ấm, Tam Bảo thay cho Ấm nào?

Phật đáp:

Trong Tứ Đế thì Tam Bảo thay cho Diệt Đế và một phần Đạo Đế. Trong hai mươi hai Căn, Tam Bảo thay cho ba Căn, tức là Căn chưa biết, Căn biết rồi, và Căn muốn biết.

Trong mười tám Giới, Tam Bảo thay cho Ý Căn Giới, Ý Thức Giới và Pháp Trần Giới.

Trong mười hai Nhập, Tam Bảo thay cho Ý Nhập và Pháp Nhập.

Trong năm Ấm, Tam Bảo thay cho năm Ấm vô lậu.

Trong Tứ Đế, Phật Bảo thay cho một phần Đạo Đế, Pháp Bảo thay cho Diệt Đế và Tăng Bảo cũng thay cho một phần Đạo Đế.

Trong mười hai Căn, Phật Bảo thay cho Căn muốn biết; Pháp Bảo vì là Diệt Đế vô vi, nên không thay cho Căn nào. Còn Tăng Bảo thay cho ba Căn vô lậu.

Trong mười tám Giới: Phật Bảo thay cho một phần Ý Căn Giới, Ý Thức Giới và Pháp Trần Giới;

Pháp Bảo thay cho một phần Pháp Trần Giới;

Tăng Bảo thay cho một phần Ý Căn Giới, Ý Thức Giới và Pháp Trần Giới.

Trong mười hai Nhập, Phật Bảo thay cho một phần Ý Căn Nhập

và Pháp Trần Nhập; Pháp Bảo thay cho một phần Pháp Trần Nhập, Tăng Bảo cũng thay một phần Ý Căn Nhập và Pháp Trần Nhập.

Trong năm Ấm, Phật Bảo thay cho một phần năm Ấm vô lậu, Pháp Bảo thì không thay cho năm Ấm, vì năm Ấm thuộc về Hữu vi, còn Pháp Bảo thuộc về Vô vi. Tăng Bảo thay cho một phần năm Ấm vô lậu. Quy y Phật là quy y Phật Thích Ca Văn hay quy y Phật cả ba đời?

Phật trả lời:

Quy y Phật ba đời, vì Pháp thân của Phật cùng một thể, cho nên quy y một đức Phật tức là quy y chư Phật ở ba đời vậy.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

Nếu nói quy y chư Phật ba đời, thì tại sao các người cỡi Trời,

mỗi người đều tự xưng là đệ tử của một đức Phật trong bảy vị Phật. Chẳng hạn, người thì nhận mình là đệ tử của Phật Ca Diếp, người thì nhận mình là đệ tử Phật Câu Lưu Tôn v.v... Như vậy, thì chỉ nên nói là quy y một đức Phật, chứ không nên nói là quy y chư Phật ba đời.

Phật trả lời: Không nên nói thế. Vì sao?

Vì trong Kinh Tỳ Sa-môn nói: “Tỳ Sa-môn Thiên Vương quy y Tam Bảo, là quy y chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai”. Theo nghĩa đó thì phải nói là quy y chư Phật ba đời.

Ưu Ba Ly hỏi:

Nếu thế thì như các người cõi trời kia, đều tự nhận mình là đệ tử của một đức Phật, nghĩa là sao?

Phật đáp: Không thể căn cứ vào lời chư thiên nói mà cho là nghĩa nhất định được.

Chư thiên nhận là quy y một đức Phật, nhưng thật ra thì quy y chư Phật ở ba đời, song chỉ lấy một vị Phật đã xuất thế để chứng minh thôi.

Ưu Ba Ly hỏi:

- Quy hướng vào đâu gọi là quy y Phật?

Phật đáp:

- Quy y Phật nghĩa là quay về với cái bản tính chân như, đầy đủ trí tuệ công đức của mình.

Ưu Ba Ly hỏi:

- Như vậy thì quy y sắc thân hay quy y pháp thân?

Phật trả lời:

- Quy y pháp thân chứ không quy y sắc thân. Đừng tưởng sắc thân là Phật; nó chỉ là cái thân hư vọng mà thôi.

Ưu Ba Ly hỏi:

Nếu sắc thân là hư vọng, không phải Phật, thì tại sao Đề Bà Đạt Đa làm cho thân Phật chảy máu, lại mắc tội nghịch?

Phật trả lời:

Sắc thân tuy là giả dối, nhưng là chỗ sở y của Pháp thân, nghĩa là pháp thân phải nương tựa vào sắc thân; cho nên làm hại sắc thân tức là làm hại thân Phật, vì thế mà phạm tội nghịch vậy.

Ưu Ba Ly hỏi:

- Nương tựa vào đâu gọi là quy y Pháp?

Phật đáp: Đoạn trừ hết thấy dục vọng để hướng về Niết-bàn, thế gọi là quy y Pháp.

Ưu Ba Ly hỏi:

Như thế thì quy y cái vô dục của chính mình hay quy y cái vô dục của người khác?

Phật trả lời: Quy y cả cái vô dục của mình và cái vô dục của người, gọi là quy y Pháp.

Ưu Ba Ly hỏi: Quy y Tăng là quy y vào đâu?

Phật đáp:

Quy y Tăng là hướng về ruộng phúc tốt lành, nghĩa là hướng tới quả vị Thanh-văn hữu học, và vô học đầy đủ công đức vậy. Thế gọi là quy y Tăng.

Ưu Ba Ly hỏi:

**Thế thì quy y Tục Đế Tăng hay quy y Đệ Nhất Nghĩa Tăng?
Nếu quy y Đệ Nhất Nghĩa Tăng, thì vì lẽ gì khi Phật thụ Tam Quy
cho hai người lái buôn là Đề Vị và Ba Lợi, Phật lại dặn họ: “Sau
này có Tăng, các người phải nên quy y.” Sao Phật không nói: “Đệ
Nhất nghĩa Tăng thường ở thế gian, các người phải nên quy y?”**

Phật trả lời:

**Vì Tục Đế Tăng là chỗ sở y của Đệ Nhất Nghĩa Tăng, cho nên
Như Lai mới nói sau này có Tăng, họ phải quy y. Và Như Lai nói
thế cũng là vì muốn tôn trọng Tục Đế Tăng vậy.**

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

Phật cũng là Pháp, Pháp cũng là Pháp, mà Tăng cũng là Pháp,

như thế chỉ có một Pháp, chứ có chi sai khác?

Phật trả lời:

Tuy là một Pháp, nhưng theo nghĩa mà nói thì có khác nhau.

Chẳng hạn, nói về Tam Bảo thì Vô Sư Trí, quả vị Vô học và hết thấy công đức là Phật Bảo;

Diệt Đế vô vi là Pháp Bảo, công đức, trí tuệ của quả vị Thanh-văn hữu học và vô học là Tăng Bảo.

Nói về Pháp, thì trí vô sư và pháp vô học là Phật Bảo, Diệt Đế vô vi, không phải pháp hữu học, cũng không phải pháp vô học, là Pháp Bảo, Thanh-văn học và Vô học là Tăng Bảo.

Nói về căn thì Phật là Căn vô vi, Pháp thì không căn, Tăng là ba Căn vô lậu.

Nói về Tứ Đế thì Phật là Đạo Đế, Pháp là Diệt Đế, Tăng là một phần Đạo Đế.

Nói về quả Sa-môn, thì Phật là Sa-môn, Pháp là quả Sa-môn, Tăng cũng là Sa-môn.

Nói về Bà-la-môn thì Phật là Bà-la-môn, Pháp là quả Bà-la-môn, Tăng cũng là quả Bà-la-môn.

Nói về Phạm Hạnh thì Phật là Phạm Hạnh, Pháp cũng là Phạm Hạnh quả, Tăng cũng là Phạm Hạnh.

Nói về Nhân quả thì Phật là Nhân, Pháp Bảo là quả, Tăng là Nhân, Pháp Bảo cũng là quả.

Nói về Đạo quả thì Phật là Đạo, Pháp Bảo là quả, Tăng là Đạo, Pháp Bảo cũng là quả.

Phật lấy Pháp làm thầy, Phật do Pháp sinh ra, Pháp là mẹ của Phật, Phật nương vào Pháp mà trụ.

Ưu Ba Ly hỏi:

Phật lấy Pháp làm thầy vậy tại sao trong Tam Bảo lại không xưng Pháp trước?

Phật đáp:

Pháp tuy là thầy, nhưng nếu không có Phật thì Pháp không được mở rộng, bởi thế thường nói: “Đạo do người mở mang”, cho nên Phật đứng đầu Tam Bảo là thế.

Lúc bấy giờ ngài Ưu Ba Ly lại hỏi Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu khi thụ Tam Quy, xưng Pháp Bảo trước rồi sau mới xưng Phật, có được không?”

Phật trả lời:

Nếu người không hiểu biết, đọc không theo thứ tự, họ không mắc tội, cũng thành Tam Quy được. Nhưng nếu người hiểu biết, mà cố tình đọc sai thứ lớp thì phải mắc tội, và không thể thành được Tam Quy.

Ưu Ba Ly hỏi:

Nếu chỉ xưng Phật và Pháp, mà không xưng Tăng, có thành Tam Quy không? Hoặc xưng Pháp và Tăng mà không xưng Phật, có thành Tam Quy không? Hay chỉ xưng Phật và Tăng mà không xưng Pháp, có thành Tam Quy không?

Phật đáp:

Tất cả đều không thành Tam Quy, vì không đủ Tam Bảo.

Ưu Bà Ly hỏi:

Nếu không thụ Tam Quy mà thụ ngay Ngũ giới, có được không?

Hoặc không thụ Tam Quy mà thụ ngay Bát giới, có thành không?

Hay không thụ Tam Quy có được thụ Thập giới không?

Nếu không bạch Tứ Yết Ma, có được thụ giới Cụ Túc không?

Phật trả lời:

Hết thảy đều không được. Nếu muốn thụ Ngũ giới, trước phải thụ Tam Quy. Thụ Tam Quy, xong mới được thụ Ngũ giới.

Sở dĩ phải nói tên của năm giới, là vì muốn cho người thụ biết rõ tên các giới, cũng như bạch bốn lần Yết Ma rồi mới được thụ giới Cụ Túc.

Còn phải nói đến bốn y, bốn đọa và mười ba tăng tàn, cũng là vì muốn cho người thụ giới biết rõ vậy. Thụ Tam Quy xong, nói đến giới sát, v.v...bấy giờ mới được giới.

Nếu một giới giữ được thì năm giới cũng có thể giữ được, bởi thế nói một giới mà gồm được cả năm giới.

Hơn nữa, trong năm giới phân biệt rõ ràng, nên tự ý phát nguyện thụ cả năm giới.

Nói thụ năm giới rồi sau được giới, song trong tất cả thuyết nói trên, đều nên phải thụ Tam Quy rồi mới thụ ngũ giới, như thế mới đúng nghĩa.

Ưu Ba Ly hỏi:

Như một người Ưu-bà-tắc, trước đã thụ Tam Quy rồi sau nếu muốn thụ năm giới, tám giới hoặc mười giới, thì có cần phải thụ lại Tam Quy nữa không?

Phật đáp:

Không cần phải thụ tam Quy nữa cũng được các giới, vì trước đã thụ Tam Quy rồi.

Nam-mô Đại Báo Ân Hội Thượng Phật Bồ-tát,

Ma-ha-tát. (3 lần)

NGHI THỨC CÚNG NGỌ

(Kinh Nhật Tụng trang 134)

TÁN HƯƠNG

Hương tài nhiệt

Lư phần bảo đánh trung

Chiên-đàn trầm nhũ chơn kham cúng

Hương yên lâu nhiều liên-hoa động

Chư Phật, Bồ-tát hạ thiên cung

Thiên Thai sơn La-hán

Lai thọ nhơn gian cúng.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát. (3 lần)

Nam mô Bát Nhã Hội Thượng Phật, Bồ-tát. (3 lần)

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

**Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời
chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.**

**Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị
không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục
như thị.**

**Xá Lợi Tử ! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt,
bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.**

**Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô
nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.**

Vô nhân giới nãi chí vô ý thức giới. Vô vô-minh, diệt vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệt vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-Nhã Ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái-ngại; vô quái-ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên-đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn. Tam-thế chư Phật, y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-Bồ-đề. Cổ tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại-thần chú, thị đại-minh chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.

Cổ thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết: Yết-đế yết-đế, ba-la yết-đế, ba-la-tăng yết-đế, Bồ-đề tát bà-ha. (3 lần)

TÁN PHẬT

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật

Thập phương thế giới diệc vô tỷ

Thế gian sở hữu ngã tận kiến

Nhứt thiết vô hữu như Phật giả.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần)

CÚNG DƯỜNG

Nam mô Thường Trụ Thập Phương Phật.

Nam mô Thường Trụ Thập Phương Pháp.

Nam mô Thường Trụ Thập Phương Tăng.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật.

Nam mô Dương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật.

Nam mô Thập Phương Tam Thế Nhứt Thiết Chư Phật.

Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát.

Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát.

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ-tát.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ-tát.

Nam mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát.

Nam mô Già Lam Thánh Chúng Bồ-tát.

Nam mô Giám Trai Sứ Giả Bồ-tát.

Nam mô Thập Điện Minh Vương Bồ-tát.

Nam mô Lịch Đại Tổ Sư Bồ-tát

Nam mô Đạo Tràn Hội Thượng Phật, Bồ-tát.

BIẾN THỰC CHƠN NGÔN

Năng mờ tát phạ đất tha nga đa, phạ lồ chỉ đế.

Án, tam bạc ra, tam bạc ra hồng. (3 lần)

CAM LỒ THỦY CHƠN NGÔN

Năng mờ tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha. Án, tô

rô, tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha. (3 lần)

Thủ thực sắc hương vị,

Thượng cúng thập phương Phật,

Trung phụng chư Hiền Thánh,

Hạ cập lục đạo phẩm,

Đẳng thí vô sai biệt,
Tùy nguyện giai bảo mãn,
Linh kim thí giả đắc,
Vô lượng Ba-la-mật.
Tam đức lục vị,
Cúng Phật cập Tăng,
Pháp giới hữu tình,
Phổ đồng cúng dường.

PHỔ CÚNG DƯỠNG CHƠN NGÔN

Án, nga nga nã tam bà phạ, phiệt nhựt ra hồng. (3 lần)

TÁN PHỔ CÚNG DƯỜNG

Ngã kim phụng hiến cam lồ vị,
Lượng đẳng Tu-di vô quá thượng,
Sắc hương mỹ vị biến hư không,
Duy nguyện Từ Bi ai nạ thọ.
Nam mô Phổ Cúng Dường Bồ-tát. (3 lần)

Tứ sanh, cứu hữu
Đồng đẳng Hoa Tạng huyền môn,
Bát nạn, tam đồ,
Cộng nhập Tỳ Lô tánh hải.

**Cúng Phật dĩ ngật,
Đương nguyện chúng sanh,
Sở tác giai biện,
Cụ chư Phật pháp.**

HỒI HƯƠNG

**Phúng kinh công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hương
Phổ nguyện pháp giới chư chúng-sanh
Tốc vãng vô lượng quang Phật-sát.**

Nguyên tiêu tam chương trừ phiền-não
Nguyên đặc trí tuệ chơn minh liễu
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ
Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.

Nguyên sanh Tây-phương Tịnh-độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ-tát vi bạn hữu.

Nguyên dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thiết
Ngã đẳng dĩ chúng sanh
Giai cộng thành Phật đạo.

PHỤC NGUYỆN

Thượng lai đệ tử chúng đấng, cung tợu Phật tiên, thành tâm phúng tụng Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, chuyên vì hồi hướng kỳ nguyện cho đệ tử chúng con tiêu tai tiêu nạn, tật bệnh tiêu trừ, tội chướng, báo chướng, phiền não chướng, nghiệp chướng tất giai tiêu diệt, Bát-nhã hoa khai, đạo tâm tăng trưởng, thân tâm thanh tịnh, tinh tấn tu hành, hiện tiền phước huệ trang nghiêm, một hậu đắc A Di Đà thọ ký.

Phổ nguyện: âm siêu dương thối, pháp giới chúng-sanh, tình dữ vô tình, tề thành Phật đạo.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

QUY Y TAM BẢO

**Tự Quy y Phật, Đương nguyện chúng-sanh, Thế
giải đại đạo, Phát Vô thượng tâm.**

**Tự Quy y Pháp, Đương nguyện chúng-sanh,
Thâm nhập kinh tạng, Trí huệ như hải.**

**Tự Quy y Tăng, Đương nguyện chúng-sanh,
Thống lý đại chúng, Nhất thiết vô ngại.**

**Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng-sanh
Đều trọn thành Phật đạo.**

HÒA NAM THÁNH CHÚNG.